

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN CÁI RĂNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 81/2024/HS-ST
Ngày: 18-9-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN CÁI RĂNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Thanh Trí

2. Ông Lê Văn Thành

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phan Văn Khải - là thư ký Toà án nhân dân quận Cái Răng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cái Răng tham gia phiên tòa:**
Ông Đồng Việt Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2024, tại Tòa án nhân dân quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 59/2024/TLST-HS ngày 08 tháng 7 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2024/QĐXXST-HS ngày 30/8/2024, đối với bị cáo:

Nguyễn Thị T; sinh ngày 10/10/1989; tại: Hậu Giang; nơi cư trú A, khu vực T, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn C (chết) và bà Trần Thị H (sống); chồng: Lê Văn Bảo A; có 03 con: lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2014; Tiền sự: không; Tiền án: không.

Bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện P, tỉnh Hậu Giang. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

1. Ông **Bùi Công T1;** sinh năm: 1977. Địa chỉ: A khu vực T, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt.

2. Bà **Dương Mộng N;** sinh năm: 1984. Địa chỉ: A khu vực T, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Lê Văn T2**; sinh năm: 1993. Địa chỉ: A khu vực T, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ. Có mặt.

2. Ông **Lê Văn Bảo A (H1)**; sinh năm: 1987. Địa chỉ: A khu vực T, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị T có quen biết với vợ chồng ông Bùi Công T1 và bà Dương Mộng N do trước đây T từng làm thuê cho vợ chồng ông T1. Khoảng 08 giờ ngày 10/02/2024, Nguyễn Thị T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 65C1-089.23 đến nhà của vợ chồng ông T1, bà Nghi c, tại số A, khu vực T, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ. Đến nơi, T phát hiện nhà khóa cửa nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Thu quan sát xung quanh không có người nên lén lút đột nhập vào trong nhà của vợ chồng ông T1, lấy trộm số tiền **4.700.000đ** (Bốn triệu bảy trăm nghìn đồng) và tẩu thoát. Đến ngày 11/02/2024, ông Bùi Công T1 và bà Dương Mộng N về nhà, phát hiện bị mất trộm tài sản. Qua trích xuất hình ảnh camera, phát hiện nghi vấn do Nguyễn Thị T thực hiện nên trình báo Công an phường T, quận C, thành phố Cần Thơ.

Vật chứng tạm giữ:

- 01 (một) mảnh vỡ heo đất màu hồng, kích thước ngang 10cm, dài 11cm;
- 01 (một) mảnh vỡ heo đất màu hồng, kích thước ngang 10cm, dài 12cm;
- 01 (một) mảnh vỡ heo đất màu hồng, kích thước ngang 10cm, dài 15cm;
- 01 (một) mảnh vỡ heo đất màu hồng, kích thước ngang 10cm, dài 14cm;
- 01 (một) xe mô tô biển số 65C1-089.23 màu xanh trắng, nhãn hiệu Yamaha;
- Tiền Việt Nam **13.471.000đ** (Mười ba triệu bốn trăm bảy mươi một nghìn đồng);
- 01 (một) cái nón bảo hiểm màu tím;
- 01 (một) cái áo khoác màu hồng;
- 01 cái áo vải thun màu xanh;
- 01 (một) đôi dép quai quai màu tím có viền xanh ở giữa;
- 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 007552 tên Lê Văn T2.
- 01 cái quần dài màu xanh, vải thun.

Đối với xe mô tô biển số 65C1-089.23: qua điều tra xác định là do Lê Văn T2 đứng tên chủ sở hữu. Quá trình sử dụng xe T2 bán lại cho em ruột là Lê Văn Bảo A.

Về trách nhiệm dân sự: Vợ chồng bà Dương Mộng N và ông Bùi Công T1 yêu cầu Nguyễn Thị T bồi thường số tiền **12.300.000đ** (Mười hai triệu ba trăm nghìn đồng).

Tại Cáo trạng số: 63/LCCT-VKS-CR ngày 02/7/2024, Viện kiểm sát nhân dân quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ đã truy tố Nguyễn Thị T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi như cáo trạng đã truy tố và tự nguyện bồi thường cho bị hại số tiền **10.000.000đ**.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu kết luận vụ án:

Xét thấy, ngày 10/02/2024, Nguyễn Thị T lén lút lấy trộm số tiền **4.700.000đ** của ông Bùi Công T1 và bà Dương Mộng N. Hành vi Nguyễn Thị T thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ nên Viện kiểm sát vẫn giữ quan điểm truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản luật đã viện dẫn.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Về tình tiết giảm nhẹ: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Về nhân thân, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 38; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Về vật chứng:

Đề nghị tịch thu, tiêu hủy:

- 01 (một) mảnh vỡ heo đất màu hồng, kích thước ngang 10cm, dài 11cm;
- 01 (một) mảnh vỡ heo đất màu hồng, kích thước ngang 10cm, dài 12cm;
- 01 (một) mảnh vỡ heo đất màu hồng, kích thước ngang 10cm, dài 15cm;
- 01 (một) mảnh vỡ heo đất màu hồng, kích thước ngang 10cm, dài 14cm;
- 01 (một) cái nón bảo hiểm màu tím;
- 01 (một) cái áo khoác màu hồng;
- 01 cái áo vải thun màu xanh;
- 01 (một) đôi dép quai kẹp màu tím có viền xanh ở giữa;
- 01 cái quần dài màu xanh, vải thun.

Đề nghị trả lại cho ông Lê Văn Bảo A: 01 (một) xe mô tô biển số 65C1-089.23 màu xanh trắng, nhãn hiệu Yamaha và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 007552 tên Lê Văn T2.

Tiền Việt Nam **13.471.000đ** (Mười ba triệu bốn trăm bảy mươi một nghìn đồng) tạm giữ để bảo đảm nghĩa vụ thi hành án của bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự:

Vợ chồng bà Dương Mộng N và ông Bùi Công T1 yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền **12.300.000đ**; tuy nhiên, chỉ có sơ sở để xác định bị cáo lấy trộm số tiền **4.700.000đ** nhưng tại phiên tòa, bị cáo tự nguyện bồi thường cho bị hại số tiền **10.000.000đ** nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận số tiền bị cáo bồi thường cho bị hại **10.000.000đ**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung cáo trạng đã nêu. Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo, lời khai của bị hại tại cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, xét thấy có đủ cơ sở để kết luận:

Hành vi bị cáo Nguyễn Thị T lén lút lấy trộm số tiền **4.700.000đ** của vợ chồng ông Bùi Công T1, bà Dương Mộng N mà bị cáo đã thực hiện vào ngày 10/02/2024 tại khu vực T, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ, đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là chính xác.

[3] Xét thấy, hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác; đồng thời, gây mất trật tự, an toàn xã hội ở địa phương.

[4] Bị cáo là người trưởng thành, đủ năng lực để chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của mình. Bị cáo biết được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng do lòng tham, muốn chiếm đoạt tài sản của người khác để hưởng thụ nên vẫn thực hiện hành vi phạm tội. Ngoài ra, trong thời gian bị cáo được tại ngoại để điều tra, truy tố, xét xử thì bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác trên địa bàn xã L, huyện P, tỉnh Hậu Giang. Cho thấy, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, cần phải có hình phạt nghiêm khắc, bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù để giáo dục, cải tạo cho bị cáo biết tôn trọng pháp luật, tôn trọng quyền sở hữu tài sản của người khác và có tác dụng phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Hội đồng xét xử xét thấy khi lượng hình cần xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ cho bị cáo như sau:

Xét thấy, tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo tự nguyện bồi thường

cho bị hại nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] **Về trách nhiệm dân sự:** Căn cứ Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự; Điều 48 Bộ luật Hình sự.

Vợ chồng bà Dương Mộng N và ông Bùi Công T1 yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền **12.300.000đ**; Hội đồng xét xử thấy rằng, không có cơ sở để xác định bị cáo đã lấy trộm số tiền **12.300.000đ** của vợ chồng ông T1, chỉ có cơ sở xác định bị cáo đã trộm của vợ chồng ông T1 số tiền **4.700.000đ**. Vì vậy, một phần yêu cầu của vợ chồng ông T1, bà N là không có cơ sở nên không được chấp nhận. Tuy nhiên, tại phiên tòa, bị cáo tự nguyện bồi thường cho bị hại số tiền **10.000.000đ** nên ghi nhận.

[7] **Về vật chứng:** Căn cứ Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- 01 (một) mảnh vỡ heo đất màu hồng, kích thước ngang 10cm, dài 11cm;
- 01 (một) mảnh vỡ heo đất màu hồng, kích thước ngang 10cm, dài 12cm;
- 01 (một) mảnh vỡ heo đất màu hồng, kích thước ngang 10cm, dài 15cm;
- 01 (một) mảnh vỡ heo đất màu hồng, kích thước ngang 10cm, dài 14cm;
- 01 (một) cái nón bảo hiểm màu tím;
- 01 (một) cái áo khoác màu hồng;
- 01 cái áo vải thun màu xanh;
- 01 (một) đôi dép quai kẹp màu tím có viền xanh ở giữa;
- 01 cái quần dài màu xanh, vải thun.

Là vật chứng không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy.

Đối với xe mô tô biển số 65C1-089.23 màu xanh trắng, nhãn hiệu Yamaha do ông Lê Văn T2 đứng tên sở hữu, ông T2 đã bán lại cho ông Lê Văn Bảo A (là chồng của bị cáo), việc bị cáo sử dụng xe để đi trộm cắp thì ông Bảo A không biết nên cần trả lại xe và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 007552 tên Lê Văn T2 cho ông Lê Văn Bảo A.

Số tiền **13.471.000đ** (Mười ba triệu bốn trăm bảy mươi một nghìn đồng) tạm giữ để bảo đảm nghĩa vụ bồi thường của bị cáo cho bị hại **10.000.000đ**. Số tiền còn lại **3.471.000đ** sau khi thi hành nghĩa vụ thi hành án dân sự của bị cáo sẽ được trả lại cho bị cáo.

[8] Về quan điểm và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật và tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội nên chấp nhận.

[9] **Về án phí:** Bị cáo phải chịu **200.000đ** án phí hình sự sơ thẩm và **500.000đ** án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[10] **Về quyền kháng cáo:** Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Nguyễn Thị T phạm tội: **”Trộm cắp tài sản”**.

Xử phạt: Nguyễn Thị T **09** (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 357, Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự; Điều 48 Bộ luật Hình sự.

Nguyễn Thị T phải bồi thường cho vợ chồng ông Bùi Công T1 và bà Dương Mộng N số tiền **10.000.000đ** (Mười triệu đồng).

Kể từ khi ông T1, bà N có đơn yêu cầu thi hành án, Nguyễn Thị T còn phải chịu tiền lãi đối với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về vật chứng: căn cứ Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

3.1 Tịch thu, tiêu hủy:

- 01 (một) mảnh vỡ heo đất màu hồng, kích thước ngang 10cm, dài 11cm;
- 01 (một) mảnh vỡ heo đất màu hồng, kích thước ngang 10cm, dài 12cm;
- 01 (một) mảnh vỡ heo đất màu hồng, kích thước ngang 10cm, dài 15cm;
- 01 (một) mảnh vỡ heo đất màu hồng, kích thước ngang 10cm, dài 14cm;
- 01 (một) cái nón bảo hiểm màu tím;
- 01 (một) cái áo khoác màu hồng;
- 01 cái áo vải thun màu xanh;
- 01 (một) đôi dép quai kẹp màu tím có viền xanh ở giữa;
- 01 cái quần dài màu xanh, vải thun.

3.2 Trả lại cho ông Lê Văn Bảo A:

Một xe mô tô biển số 65C1-089.23 màu xanh trắng, nhãn hiệu Yamaha và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 007552 tên Lê Văn T2.

3.3 Số tiền: 13.471.000đ (Mười ba triệu bốn trăm bảy mươi một nghìn đồng) tạm giữ để bảo đảm nghĩa vụ bồi thường của bị cáo cho bị hại **10.000.000đ**. Số tiền còn lại **3.471.000đ** sau khi thi hành nghĩa vụ thi hành án dân sự của bị cáo sẽ được trả lại cho bị cáo.

4. Về án phí: căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và danh mục án phí;

Bị cáo phải chịu **200.000đ** (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và **500.000đ** (Năm trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đối với bị cáo và đương sự có mặt tại phiên tòa, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết đối với bị hại và đương sự vắng mặt tại phiên tòa; bị cáo, bị hại và các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

6. Về quyền yêu cầu thi hành án dân sự:

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án. Quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Cần Thơ
- VKSND Q. Cái Răng.
- VKSND Tp. Cần Thơ.
- Trại giam, Công an Q. Cái Răng.
- Cơ quan Thi hành án.
- Bị cáo; đương sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Trang